TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

2. Ông Phan Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 913/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981; địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2022, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày như sau:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau hợp pháp và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014 do Uỷ ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2014. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng

nói chung. Đến năm 2020, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, cả hai không có liên hệ gì với nhau về kinh tế và tình cảm. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn T1 để rõ ràng về mặt pháp lý, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Thị Mây T2, sinh ngày 04/6/2007. Bà Trần Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Mây Trắng, không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng con. Riêng con chung Nguyễn Thị Thanh H đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/3/2023 nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Toà án đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T1, bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 24/03/2023 nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Nguyễn Văn T1 không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: "Ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký thường trú và còn thực tế cư trú tại địa chỉ xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh". Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông T1 không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

b) Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1 Hiền, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Thị Mây T2, sinh ngày 04/6/2007. Bà Trần Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Mây T2, không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng con. Riêng con chung Nguyễn Thị Thanh H đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Uỷ ban nhân dân xã V: "Uỷ ban nhân dân xã V không nhận được thông tin phản ánh liên quan đến tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị T nên Uỷ ban nhân dân xã V không rõ mâu thuẫn

giữa ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị T. Đề nghị Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo quy định pháp luật".

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Toà án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chung, theo đó trẻ Nguyễn Thị Mây Trắng có nguyện vọng được sống chung với Mẹ, từ nhỏ cho đến nay đều sống với Mẹ và Mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho ông T1 thông báo kết quả phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, trong đó nêu rõ nội dung bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông T1 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thị Mây T2 và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Thị Thanh H đã thành niên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba T nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014 do Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2014 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Thị Mây T2, sinh ngày 04/6/2007 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T1 không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông T1 thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba T nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041803 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Tuyết